

Phân tích bài Mấy ý nghĩ về thơ

Dàn ý Phân tích bài Mấy ý nghĩ về thơ

I. Tìm hiểu chung

1. Tiểu dẫn

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003), quê Hà Nội - sinh ra ở Luông Pha Băng.
 - Năm 1931: Ông cùng gia đình về nước, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941.
 - Sau 1945: Nguyễn Đình Thi là Tổng thư kí hội Văn hoá cứu quốc, uỷ viên Ban Chấp hành hội văn nghệ Việt Nam.
 - Từ năm 1958 đến 1989: Làm Tổng thư kí hội nhà văn Việt Nam.
 - Từ năm 1995: Làm Chủ tịch Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam.
- => Là nghệ sĩ đa tài: Viết văn, làm thơ, phê bình văn học, sáng tác nhạc, soạn kịch, biên khảo triết học. Ở lĩnh vực nào ông cũng có đóng góp đáng ghi nhận. Năm 1996: ông được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Hoàn cảnh ra đời

Viết vào tháng 9/1949 tại hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc.

2. Nội dung

Có ba nội dung cơ bản trong bài viết của Nguyễn Đình Thi về đặc trưng cơ bản của thơ.

- + Một là: Thơ là tiếng nói của tâm hồn con người.
- + Hai là: Hình ảnh, tư tưởng và tính chân thực trong thơ.
- + Ngôn ngữ thơ khác các loại hình văn học khác như truyện, kịch, kí.

Văn mẫu lớp 12: Phân tích bài Mấy ý nghĩ về thơ

Đã là một thi sĩ, không mấy ai không có những suy nghĩ riêng về thơ, được phát biểu dưới dạng này hay dạng khác. Nhìn trên đại thể, đó đều là những suy nghĩ đáng trân trọng. Tuy nhiên, không phải suy nghĩ nào, phát biểu nào cũng

gây được sự chú ý rộng rãi, nếu nó không đạt tới một khả năng khái quát cần thiết và không thể hiện được một định hướng sáng tạo rõ ràng, có tính cách tân. Điều đáng nói là khi tham gia phát biểu về thơ, nhiều người rất thích nêu định nghĩa, và cụm từ "thơ là"... thường được nhắc đi nhắc lại. Hẳn họ thật lòng tin rằng định nghĩa về thơ do mình đưa ra là có giá trị của chân lí phổ quát. Sự thực, mọi định nghĩa về thơ chỉ "đúng" một cách tương đối. Trước hết, hãy tạm cho rằng chúng chỉ đúng với trường hợp của người đã phát biểu quan niệm, định nghĩa đó mà thôi.

Nguyễn Đình Thi hẳn ý thức rất rõ điều này. Bài viết của ông không hướng tới một định nghĩa khép kín, mà gợi mở những suy nghĩ mới về thơ, gợi mở chân trời sáng tạo rộng lớn ở phía trước cho những nhà thơ Việt Nam vào thời điểm những năm cuối của thập niên bốn mươi của thế kỉ XX, tức là thời điểm có những chuyển biến cách mạng lớn lao trong đời sống xã hội, và con đường hiện đại hoá thơ ca Việt đã tiến được một bước dài. Đây là một trong những bài phát biểu quan niệm về thơ thực sự có giá trị và gần đây rất hay được nhắc tới, mỗi khi người ta đề cập đến con đường thơ cũng như khả năng cách tân thơ của người nghệ sĩ đa tài Nguyễn Đình Thi.

Trong phần đầu bài viết, tác giả đối thoại với một số cách nhìn nhận về thơ đã từng chi phối hành động sáng tạo và cảm thụ thơ của một bộ phận khá lớn thi sĩ và độc giả. Có ba cách nhìn nhận đã được nêu lên: đã là thơ thì phải có "lời đẹp" ; đề tài của thơ phải là "đề tài đẹp" ; "thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ". Theo tác giả, cả ba cách nhìn nhận nêu trên đều có phần phiến diện, bởi có nhiều ví dụ trong thực tiễn thi ca chứng minh điều ngược lại. Cách đối thoại của tác giả hết sức nhẹ nhàng, nhưng điều có thể được rút ra từ đây thì rất có sức nặng: những chữ tầm thường của lời nói hằng ngày hoàn toàn có thể được đưa vào thơ và có thể vẫn đầy chất thơ ; "Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái muôn đời viễn vông bên ngoài cuộc sống thực của con người" và những đề tài phong hoa tuyết nguyệt, nhớ mong sầu lụy đã không còn là những đề tài thiết yếu nữa. Những điều vừa "rút ra" đó phản ánh một quan niệm mới về thơ của Nguyễn Đình Thi - cái quan niệm nếu trở thành nhận thức phổ biến thì có thể sẽ đưa thơ ca Việt Nam đi tới những bước chuyển lớn.

Sang phần tiếp theo, để làm sáng tỏ giả định: "Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng ?", tác giả đã miêu tả (thông qua những hình ảnh so sánh rất ý vị) trạng thái tâm hồn con người khi có "rung động thơ" và vai trò của bài thơ trong việc thể hiện cũng như làm lan truyền sự rung động ấy. Theo tác giả, bài thơ hình thành trong tâm trí nhà thơ hay ngân lên trong nỗi nhớ của độc giả một khi ở họ xuất hiện "trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường", "do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác". Chính sự "va chạm" ấy giúp tâm hồn biết "tự soi vào nó". Và khi làm thơ, nhà thơ không phải sống với kí ức thuần túy mà sống với sự tương tác giữa kí ức và điều đang trải nghiệm ngay lúc đó. Quá khứ và hiện tại quyện hoà vào nhau trên nền tự ý thức của nhà thơ làm nảy sinh cảm xúc thơ. Ý nghĩ này của tác giả cũng có điểm gần gũi với ý nghĩ của nhà thơ

Uy-li-am Uốtx-uốt: "Tôi đã nói rằng thơ là sự tuôn trào bột phát những tình cảm mãnh liệt: nó bắt nguồn từ trong cảm xúc được nhớ lại trong sự bình tâm; cảm xúc được chiêm nghiệm cho tới lúc, do một thứ phản ứng đặc biệt, sự bình tâm dần dần bị biến mất, và một cảm xúc khác thần thuộc với cái trước đó là đối tượng của sự chiêm nghiệm lần lần nảy sinh và nó thực sự tồn tại trong tâm tưởng".

Tác giả quan niệm, bài thơ có một khả năng kì diệu là bảo lưu sống động trạng thái tâm hồn của nhà thơ khi anh ta làm thơ, thông qua những "chữ", những "lời". Chính những "chữ", những "lời" đó lại là đầu mối đưa đến sự giao cảm giữa nhà thơ và bạn đọc. Đã có "rung động thơ", nghĩa là một loại hình rung động khác thường như đã nói trên, độc giả dễ dàng cộng hưởng với những tần số rung động của nhà thơ "khi nhìn những chữ, khi nghe những lời", bởi kéo theo lời, chữ ấy là "những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm", như thể một "vùng sáng xung quanh ngọn lửa". Hình ảnh so sánh mà tác giả đưa ra ở đây vô cùng tinh tế. Nó cũng lung linh như chính bản chất thơ và đã diễn tả được một cách sống động cái gọi là sự gắn bó hữu cơ giữa nội dung và hình thức ở loại hình sáng tác này.

Trước đoạn bàn trực tiếp về hình ảnh trong thơ, tác giả khẳng định "thơ phải có tư tưởng, có ý thức", nhưng "thơ không nói bằng ý niệm thuần túy", bởi nếu thế, thơ đã bị đánh đồng với đạo đức (luận lí, triết học,...). Con đường của thơ hướng tới việc "lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ", do vậy, nó cần phải có hình ảnh. Tuy nhiên, hình ảnh ở đây không thể là hình ảnh mang tính chất minh họa thuần túy cho tư tưởng hay là sự "phiên dịch" ý tình một cách giản đơn. Nó cũng không phải là một cái gì "cầu kì", rắc rối. Để diễn tả quan niệm về hình ảnh, tác giả lại đưa ra ngay một hình ảnh so sánh rất ý vị: "Hình ảnh của thơ trái lại, phải là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy. Dụng chạm với hành động hằng ngày, tâm hồn nảy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa toé lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ". Phải nói rằng với hình ảnh trong đoạn văn vừa dẫn, Nguyễn Đình Thi không chỉ cho ta nắm bắt được một thông tin mang tính khoa học về thơ mà còn làm ta rung cảm để tiếp theo nhận ra một cái gì đó của thơ không dễ nói bằng ngôn từ luận lí. Chính các hình ảnh "tia lửa", "bó sáng" mà tác giả dùng trong trường hợp này cũng thấm đẫm chất thơ, mặc dù rõ ràng chúng không phải là hình ảnh thơ. Nhằm làm sáng tỏ hơn nữa quan niệm của mình về hình ảnh thơ, tác giả còn lưu ý nhà thi sĩ về một số điểm thuộc "quy trình sáng tạo": đừng vội "chăng lưới bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm", đừng "cố gắng nặn nọt". Vấn đề là ở chỗ: hình ảnh thơ là "hình ảnh sống", nó đến theo kiểu "bất chợt", nó có khả năng "truyền cảm", nó mang tính "tự nhiên", "tươi nguyên", "mới mẻ", "đột ngột", "lạ lùng", thoát ra khỏi "thói quen", "sự rập khuôn". Hiểu tất cả những điều đó rồi thì việc nhà thơ cần làm là: "đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình" để "mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng", "động sâu đến tư tưởng và tình

cảm". Khi ấy, "hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất", quen mà lạ, gần gũi mà hàm chứa bao điều sâu xa!.

Bàn về "chữ", "tiếng" trong thơ, tác giả cũng có những tư tưởng mới mẻ và độc đáo. Người ta vẫn thường nói "chữ nào nghĩa nấy", điều đó đúng theo một số góc nhìn nhất định. Nhưng trong thơ, theo tác giả, "chữ", "tiếng" không chỉ có giá trị "ý niệm". Nếu chỉ có thế, "Mỗi chữ và tiếng mới như một ngọn nến trắng cắt bằng giấy dán trên nền đen. Mỗi ngọn nến vẫn trắng như nền đen vẫn đen. Mỗi chữ là một nghĩa nhưng bài thơ vẫn chưa có hồn". Tác giả viết tiếp: "Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy". Ở đây, các hình ảnh được đưa ra ví von có một khả năng biểu đạt ý tưởng hết sức đặc lực. Với trường hợp Nguyễn Đình Thi, tư duy lí luận và tư duy thơ không nằm trong tương quan loại trừ mà ngược lại. Nhiều tiểu luận của ông đọc rất hấp dẫn chính nhờ đặc điểm này, cũng thế, nhiều bài thơ của ông vừa mạnh phần cảm giác (do hệ thống hình ảnh tạo nên), vừa giàu phẩm chất trí tuệ. Gây ấn tượng mạnh nhất trong đoạn văn, cũng có thể nói là trong cả bài, chính là hình ảnh sau đây: "Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả xung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc xung quanh". Thật khó có thể chọn được một cách nói nào hay hơn về "chữ", về mối quan hệ tương tác giữa các "chữ" trong bài thơ. Là một người được đào luyện trong môi trường Tây học, rất có thể, khi phát biểu điều này, tác giả đã có sự kế thừa những quan niệm về thơ từng được nhiều nhà thơ và nhà nghiên cứu văn học phương Tây nêu lên trong mấy thập niên đầu của thế kỉ XX. Ít ra, nó cũng là một khái quát lí luận phù hợp với những tìm tòi mới trong thơ của các nhà thơ Việt Nam hậu kì thơ mới như Bích Khê hay một số nhà thơ thuộc nhóm Xuân thu nhã tập. Theo những nhà thơ này, từ, ngữ ("chữ", "tiếng") từ chỗ là một dấu hiệu (signe) hiểu nghĩa, hoàn toàn mang tính chất quy chiếu (có chức năng chỉ một đối tượng rất xác định nào đó), đã đoạt lấy vị trí chủ động, có giá trị tự thân, không hoàn toàn chịu sự sai khiến "độc đoán" của nhà thơ, là từ, ngữ - sự vật (mots - choses).

Nói đến thơ, không ai không chú ý tới "yếu tố" nhịp điệu. Nguyễn Đình Thi cũng thế. Và lại, theo lô gích của vấn đề, ông đang muốn trình bày cách hiểu của mình về nhịp điệu để cắt nghĩa "cái kì diệu của tiếng nói trong thơ" được nêu ở phần viết trên. Với ông, "nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai" mà chủ yếu là "nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn". Ông khẳng định: nhịp điệu trong thơ "là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hoà hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng

im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động". Trên thực tế, điều vừa được tác giả phát biểu vốn đã được ông vận dụng vào chính hành động sáng tác thơ của mình. Việc ông theo đuổi tạo ra một thứ thơ không vắn trong những năm cuối thập niên bốn mươi và những năm đầu thập niên năm mươi của thế kỉ XX là một việc làm đầy ý thức, được thúc đẩy bởi ý chí cách tân mạnh mẽ (đọc lại những bài như Sáng mát trong như sáng năm xưa (1948), Đêm mít tinh (1949), ta có thể kiểm nghiệm điều này). Như vậy, ở Nguyễn Đình Thi, việc nêu quan niệm thơ cũng là việc báo trước một chặng đường phát triển mới của thơ ca Việt, mà trong sự phát triển đó, ông có góp phần tích cực. Tất nhiên, khi đã nhận thấy giá trị của "những khoảng lung linh giữa chữ", "những khoảng im lặng", tác giả hoàn toàn có cơ sở để viết rằng: "Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo", và: "Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi được phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích". Không phải ông đã cực đoan khi kết luận như trên. Chẳng qua những từ "hoàn hảo", "toàn bích" đã được hiểu theo một nghĩa riêng, do văn cảnh bài viết xác định.

Phần cuối của bài viết được dành để bàn riêng về thơ tự do, thơ không vắn - một vấn đề có tính thời sự vào thời điểm đó. Tác giả tỏ ý ngờ vực lập luận cho rằng thơ Việt không thể thiếu vắn. Trong khi thừa nhận "những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vắn, đều là những vũ khí rất mạnh trong tay người làm thơ", tác giả vẫn nghĩ không phải cứ hề thiếu chúng thì người làm thơ không thể có thơ, hay nói cách khác là không thể "thắng" trong "trận đánh" của nghệ thuật. Ông nói rõ: "không có vấn đề thơ tự do, thơ có vắn và thơ không có vắn. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ". Ở đây cần phải hiểu đúng ý tác giả, rằng một nền thơ không thể chỉ có một sự lựa chọn duy nhất đối với một hình thức thơ nào đó. Thơ tự do, có vắn hay không vắn đều có chỗ đứng của mình. Ông lấy lại ý này trong câu "Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dù bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay". Đây hiển nhiên là một tư tưởng đúng, nhưng phải chăng nó có thể dẫn tới một sự dung hoà ít có tác dụng kích thích sự sáng tạo ra cái mới, đặc biệt là cái mới thuộc phạm trù hình thức thơ? Sự thực không phải thế. Chẳng qua tác giả muốn tránh lối nhìn nhận vấn đề cực đoan, độc đoán, còn nếu theo chủ kiến của riêng mình, ông muốn thơ của thời đại mới này phải thoát khỏi những "hình thức đều đặn, cố định" để tiến đến một hình thức khác, nhịp điệu khác, phản ánh được nhịp sống trẻ trung, sôi nổi, ào ạt của cuộc đời cách mạng. Với tầm bao quát rộng rãi nhiều dữ kiện của đời sống và nghệ thuật, tác giả không quên lường tính và giải đáp trước những câu hỏi, những băn khoăn, thắc mắc có thể được đặt ra cho con đường đi tới của thơ, xuất phát từ nhiều đối tượng khác nhau. Không, hình thức mới không bao giờ là sự phế bỏ giản đơn những hình thức cũ, ngược lại, trong nó, những hình thức cũ đã được tái tạo, được nâng lên

một trình độ cao hơn so với trước. Một vấn đề khác là không nên quá lo thơ sẽ trở nên "buông thả, bừa bãi", bởi những điều đó "chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật". Khi lường tính và giải đáp những câu hỏi này, tính chính luận của bài viết được bộc lộ rất đậm nét. Dường như một quan điểm văn nghệ đầy tính cởi mở đã được xây dựng cùng với những dòng viết sau: "Kỉ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe dọa mà tồn tại được, kỉ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỉ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lệ lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đạp'đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình". Ta nhận thấy ở đây vừa là một lời nhắc nhở đối với những người chịu trách nhiệm lãnh đạo văn nghệ, vừa là một lời tự nhắc của giới văn nghệ về sứ mệnh, chức năng của mình.

Mấy ý nghĩ về thơ là bài viết rất tiêu biểu cho phong cách tiểu luận văn học Nguyên Đình Thi. Đọc nó, ta cảm thấy tiếc vì nhiều ý nghĩ độc đáo trong đó một thời chưa được đánh giá đúng mức, chưa được nhìn nhận như một sự gọi ý quý báu đối với vấn đề định hướng phát triển cho cả nền thơ, nền văn học. Tuy nhiên, những giá trị thật thì cứ còn mãi, hướng chi, không ít điều được nói hôm qua đến hôm nay vẫn còn nguyên tính thời sự.